

Số: /QĐ-CAT-PC08

Nghệ An, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số: 535 thí sinh hạng B, C1, C (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 21/5/2026 tại Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ số 1 Nghệ An, địa chỉ: xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (có mã QR kèm theo).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;

2. Đồng chí Trung tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

3. Ông Nguyễn Sỹ Hạ, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ số 1 Nghệ An, Ủy viên Hội đồng;

4. Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.

5. Các sát hạch viên (có danh sách kèm theo).

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc | (để báo cáo)
- Cục C08 BCA |
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC08(Lực).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đại tá Nguyễn Đức Cường

DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CAT-PC08 ngày /5/2026 của Công an tỉnh)

TT	CẤP BẬC, HỌ TÊN	NHIỆM VỤ
1	Trung tá Phạm Văn Lực	Sát hạch viên
2	Trung tá Bùi Thái Cường	Sát hạch viên
3	Trung tá Vũ Minh Phương	Sát hạch viên
4	Trung tá Nguyễn Quốc Phúc	Sát hạch viên
5	Trung tá Đặng Trọng Quang	Sát hạch viên
6	Trung tá Phạm Công Thành	Sát hạch viên
7	Trung tá Bùi Thanh Sơn	Sát hạch viên
8	Trung tá Lê Văn Hùng	Sát hạch viên
9	Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú	Sát hạch viên
10	Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt	Sát hạch viên
11	Thiếu tá Nguyễn Việt Cường	Sát hạch viên
12	Đại úy Nguyễn Văn Phương	Sát hạch viên
13	Đại úy Nguyễn Quốc Anh	Sát hạch viên
14	Đại úy Nguyễn Tuấn Anh	Sát hạch viên
15	Thượng úy Trần Thiện Hoàng	Sát hạch viên

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
(Kèm theo Quyết định số: 2549/QĐ-CAT-PC08 ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Công an tỉnh Nghệ An)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1	PHẠM HỒNG AN	10/07/1998	*****45	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A.01	38713
2	PHAN THỊ THU AN	25/12/1988	*****98	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		40326
3	NGUYỄN NGỌC AN	17/10/1997	*****18	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41280
4	HOÀNG NGỌC AN	10/08/1976	*****09	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38768
5	TRẦN THỊ AN	18/08/1985	*****83	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41261
6	TRẦN THỊ HOÀI AN	19/05/1996	*****01	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41804
7	LƯU THẾ ANH	02/05/1989	*****36	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40421
8	NGUYỄN THẾ ANH	03/02/1977	*****51	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		38845
9	NGUYỄN ĐỨC ANH	06/02/1996	*****91	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		37960
10	TRẦN NGỌC ANH	06/05/1989	*****78	Xã Thiệu Quang, Tỉnh Thanh Hóa	x		35331
11	NGUYỄN DIỆP ANH	17/08/2003	*****82	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40327
12	HOÀNG NGHĨA ANH	25/04/2005	*****27	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		39198
13	DƯƠNG THỊ HẢI ANH	18/06/1997	*****58	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	38432
14	LÊ THỊ MAI ANH	16/05/1997	*****78	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41775
15	BÙI THỊ HẢI ANH	25/10/2000	*****53	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41805
16	NGÔ THỊ TÚ ANH	20/01/1991	*****07	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41828
17	TRẦN THỊ TUYẾT ANH	14/04/1999	*****62	Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41913

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
18	NGUYỄN THỊ ANH	18/08/2005	*****73	Xã Toàn Lưu, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41912
19	NGÔ NGỌC ANH	04/03/1997	*****28	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		38652
20	NGUYỄN VĂN ANH	16/10/1990	*****89	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		38981
21	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	20/06/1975	*****00	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41829
22	NGUYỄN HỮU BÁO	20/10/1988	*****46	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39121
23	NGUYỄN XUÂN BÁO	12/08/1983	*****56	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		41776
24	TRẦN KIM BÉ	10/09/1987	*****28	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38615
25	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	20/02/1990	*****83	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		33203
26	NGUYỄN THỊ BÌNH	18/03/1995	*****34	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		37366
27	TRẦN CHÍ BÌNH	12/04/1989	*****43	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38387
28	LƯƠNG VĂN BÙ	03/02/1989	*****11	Xã Tri Lễ, Tỉnh Nghệ An	x		37414
29	VY VĂN BỤI	13/09/1989	*****58	Xã Lượng Minh, Tỉnh Nghệ An	x		40040
30	NGUYỄN BẢO CHÂU	01/08/2002	*****15	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41806
31	CAO TIẾN CHUNG	01/01/1972	*****06	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		40197
32	LÊ SỸ CHUNG	21/02/2004	*****85	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38599
33	PHẠM LƯU NGUYỄN CHƯƠNG	04/08/2007	*****89	Phường Tân Thới Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	x	A1m	38689
34	VĂN THỊ CHUYÊN	25/03/1988	*****72	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		41355
35	VÕ CHÍ CÔNG	22/12/1984	*****14	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	37506

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
36	TRẦN ĐÌNH CÔNG	16/01/1984	*****13	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x		38866
37	NGUYỄN DANH CÔNG	22/02/2003	*****44	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		36198
38	NGUYỄN DANH CÔNG	12/06/1978	*****78	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		41416
39	VÕ CHÍ CÔNG	10/07/1976	*****30	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		39128
40	NGUYỄN VĂN CÔNG	01/07/1991	*****98	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		39107
41	PHAN VĂN CÔNG	14/01/1995	*****82	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38653
42	VŨ ĐỨC CUNG	28/09/1986	*****87	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		38654
43	LÊ KIM CƯỜNG	07/09/1984	*****41	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x		39120
44	LƯƠNG VĂN CƯỜNG	16/05/1986	*****71	Xã Hoằng Giang, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	35332
45	NGUYỄN CÔNG CƯỜNG	20/10/1994	*****95	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		38288
46	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	30/08/1979	*****20	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		39309
47	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	12/10/1974	*****06	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		37853
48	NGUYỄN VĂN CỬU	20/11/1971	*****66	Xã Thượng Đức, Tỉnh Hà Tĩnh	x		35938
49	ĐẬU TÀI ĐẠI	15/08/1986	*****89	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		39271
50	TRỊNH QUANG DẦN	20/10/1986	*****99	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		39199
51	LÊ VĂN DẦN	15/11/1998	*****03	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38655
52	NGUYỄN CẢNH ĐÀN	12/03/1999	*****15	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		37110
53	TRẦN NGỌC ĐĂNG	19/04/2005	*****36	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38656

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
54	HOÀNG VĂN ĐÀO	10/05/1978	*****54	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39200
55	TRẦN THẾ ĐẠT	11/08/2003	*****48	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	35770
56	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	16/04/2000	*****12	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	35674
57	NGUYỄN VĂN ĐỆ	16/10/1984	*****57	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A.01	36983
58	GIÀ BÁ DÌ	29/10/1993	*****69	Xã Nhôn Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38786
59	VÕ VĂN ĐỊNH	23/11/1976	*****91	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38868
60	VI VĂN ĐỊNH	26/06/1989	*****47	Xã Tam Thái, Tỉnh Nghệ An	x		38812
61	NGUYỄN ANH ĐÔN	17/02/1997	*****12	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		38982
62	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	12/04/1991	*****42	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38983
63	ĐẶNG MINH ĐỨC	25/01/2004	*****64	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38389
64	NGUYỄN VĂN ĐỨC	20/06/1989	*****28	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36346
65	PHAN TRỌNG ĐỨC	08/09/1961	*****52	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40988
66	VÕ THỊ ĐỨC	20/02/2000	*****69	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41807
67	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	20/06/1999	*****55	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		41830
68	TRẦN HỮU ĐỨC	13/10/1985	*****37	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39272
69	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	26/11/2001	*****62	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38984
70	TRẦN NHẬT ĐỨC	23/06/2006	*****78	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		38985
71	LÊ DUỆ	02/05/1973	*****45	Xã Cẩm Duệ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	B2	35941

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
72	ĐẬU THỊ DUNG	04/10/1978	*****19	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	38386
73	NGUYỄN THỊ DUNG	20/10/1995	*****76	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		39201
74	HỒ THỊ DUNG	11/08/1993	*****26	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41758
75	ĐẬU THỊ DUNG	20/05/1989	*****08	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40561
76	TRẦN THỊ DUNG	08/09/1993	*****53	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		40965
77	NGUYỄN THỊ DUNG	24/03/1992	*****19	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41418
78	TRẦN THỊ MỸ DUNG	05/04/1977	*****43	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		39540
79	LÊ NGỌC DŨNG	06/05/1981	*****64	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		38037
80	NGUYỄN VĂN DŨNG	13/07/1991	*****75	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		41265
81	NGUYỄN DUY ANH DŨNG	28/08/2001	*****53	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38545
82	HỒ ANH DŨNG	28/03/2002	*****06	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	35258
83	ĐINH ĐỨC DŨNG	02/02/1985	*****71	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38657
84	LÊ HOÀNG VIỆT DŨNG	14/02/2005	*****32	Xã Kỳ Vãn, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	38986
85	HÀ VĂN DŨNG	07/10/1997	*****86	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39202
86	XEO THOONG ĐƯỜN	01/05/2000	*****44	Xã Keng Đu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38658
87	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	02/06/1994	*****01	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		40543
88	PHAN VĂN DƯƠNG	13/07/1972	*****84	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		41118
89	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	10/06/1969	*****50	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		40716

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
90	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	08/12/2001	*****48	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		38987
91	NGUYỄN THỊ DUYÊN	22/03/1986	*****10	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		41777
92	HOÀNG THỊ NGỌC DUYÊN	20/06/1999	*****14	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41831
93	ĐINH THỊ TRÀ GIANG	20/10/1996	*****09	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40402
94	QUÁCH THỊ GIANG	10/06/1986	*****55	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41832
95	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	02/02/2001	*****60	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41914
96	PHẠM VĂN GIÁP	06/05/1988	*****86	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		39203
97	VI HOÀNG GIÁP	01/03/1994	*****05	Xã Mường Xén, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38659
98	HỒ VĂN HÀ	12/02/1990	*****51	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		38618
99	TRẦN THỊ HÀ	20/10/1985	*****38	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x		39029
100	TRẦN THỊ THU HÀ	03/10/1981	*****55	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		38427
101	NGUYỄN KIM HÀ	21/08/1980	*****52	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41742
102	TRẦN NGỌC HÀ	30/06/1991	*****44	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	39204
103	TRẦN THỊ THU HÀ	06/02/2001	*****01	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41834
104	LÊ THỊ HÀ	06/08/1997	*****55	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41833
105	TRẦN THỊ HẢI	16/03/1981	*****42	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		41747
106	NGUYỄN THỊ HẢI	10/08/1986	*****94	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41178
107	NGUYỄN THỊ HẢI	01/02/1996	*****45	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		41808

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
108	THÁI ĐÔNG HẢI	16/11/1975	*****04	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41835
109	NGUYỄN SỸ HẢI	18/08/1999	*****69	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38988
110	VÕ THỊ HẰNG	28/02/1990	*****13	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x		38870
111	NGUYỄN THỊ TÚ HẰNG	11/06/1976	*****02	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41753
112	NGUYỄN THỊ HẰNG	27/10/1994	*****66	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		37182
113	PHẠM THỊ HẰNG	07/03/1994	*****43	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41105
114	NGUYỄN THỊ HẰNG	09/02/1991	*****50	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41778
115	ĐÀM THỊ HẰNG	15/11/2000	*****79	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41836
116	NGUYỄN THỊ HẰNG	21/02/1984	*****55	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41915
117	NGUYỄN THỊ HẰNG	14/04/1985	*****49	Xã Ia Dok, Tỉnh Gia Lai	x		38788
118	PHẠM VĂN HẠNH	10/10/1998	*****83	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38619
119	PHAN THỊ HẠNH	13/07/2003	*****49	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	35876
120	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	21/01/2000	*****23	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		41779
121	TRẦN THỊ HẠNH	14/09/1992	*****39	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41810
122	PHAN VĂN HÀO	13/01/1985	*****19	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38385
123	NGUYỄN VĂN HÀO	19/11/2003	*****03	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		34698
124	TRẦN ĐĂNG HÀO	22/08/1976	*****92	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		38039
125	NGUYỄN THỊ HẢO	12/02/1996	*****32	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		41166

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
126	NGÔ THỊ HIỀN	19/10/1974	*****91	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		40842
127	NGUYỄN THỊ HIỀN	03/02/1990	*****27	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39205
128	NGUYỄN THỊ HIỀN	21/11/1982	*****49	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		41811
129	NGUYỄN THỊ HIỀN	18/05/1990	*****15	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		39273
130	PHẠM TRỌNG HIỆP	07/04/1980	*****18	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		41765
131	LÔ VĂN HIỆP	12/07/1985	*****37	Xã Yên Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		38432
132	NGÔ XUÂN HIẾU	27/07/1996	*****71	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		38274
133	TRỊNH VĂN HIẾU	01/10/1987	*****86	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38838
134	LÊ ĐỨC HÌNH	08/09/1987	*****64	Xã Nông Công, Tỉnh Thanh Hóa	x		38616
135	NGUYỄN HỮU HÒ	15/11/1984	*****99	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		41780
136	PHAN THỊ HOA	05/08/1987	*****27	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41837
137	NGUYỄN VĂN HÓA	24/07/1987	*****92	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38660
138	PHAN DOÃN HÒA	27/12/1986	*****86	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		36209
139	BÙI THỊ HÒA	04/06/1989	*****42	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		39104
140	NGUYỄN VĂN HÒA	16/01/1993	*****29	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36273
141	THÁI ĐÌNH HÒA	30/10/1974	*****46	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		40660
142	BÙI THỊ HÒA	23/03/1997	*****27	Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41781
143	ĐẬU THỊ HÒA	21/11/1985	*****38	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		41838

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
144	NGUYỄN VĂN HÒA	20/10/1992	*****14	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39274
145	PHÙNG THỊ HOÀI	16/05/2007	*****45	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		41764
146	TRẦN VĂN HOÀI	09/09/1999	*****25	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		36274
147	ĐẶNG THỊ THU HOÀI	07/05/1995	*****40	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41782
148	MOONG VĂN HOAN	02/01/1989	*****31	Xã Chiêu Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		38661
149	VÕ VĂN HOÀN	04/02/1956	*****54	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		38379
150	TRẦN ĐÌNH HOÀNG	22/02/2001	*****84	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38839
151	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	28/06/1993	*****17	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41839
152	NGUYỄN VĂN HOÀNG	05/03/1997	*****09	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		38989
153	NGUYỄN HOẠT	15/10/1985	*****66	Xã Tam Giang, Tỉnh Đắk Lắk	x		38722
154	ĐẶNG VĂN HỒNG	18/05/1984	*****32	Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	x		41737
155	NGUYỄN CÔNG HỒNG	11/02/1985	*****89	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		39275
156	NGUYỄN DUY HUẤN	09/07/1993	*****10	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38990
157	NGUYỄN THỊ HUỆ	22/02/1981	*****99	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		41783
158	NGUYỄN VĂN HÙNG	01/07/1982	*****88	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		38802
159	VÕ TRỌNG HÙNG	18/09/1977	*****12	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	37791
160	NGÔ XUÂN HÙNG	20/08/1995	*****39	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38841
161	PHẠM THỊ HÙNG	15/03/1987	*****71	Xã Pong Drang, Tỉnh Đắk Lắk	x		35716

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
162	PHẠM THỊ HƯƠNG	10/04/1982	*****35	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		41759
163	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	01/01/1980	*****07	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	35571
164	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	29/12/1976	*****76	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41755
165	HOÀNG THỊ HƯƠNG	10/09/1975	*****45	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		41181
166	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	25/12/1994	*****63	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41840
167	NGUYỄN VĂN HUY	27/09/1988	*****68	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		39206
168	NGÔ QUANG HUY	06/09/2001	*****11	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	33821
169	LÊ THỊ HUYỀN	08/04/1992	*****60	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41148
170	LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	02/02/2001	*****00	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40882
171	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	23/02/2006	*****81	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41754
172	TRẦN THỊ HUYỀN	10/11/2001	*****32	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41751
173	CAO THỊ KHÁNH HUYỀN	12/12/2003	*****76	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40967
174	UÔNG THỊ THƯƠNG HUYỀN	07/09/1985	*****83	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41841
175	ĐINH THỊ KHÁNH HUYỀN	29/03/1999	*****37	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		39276
176	TRẦN ĐĂNG HUỠNH	10/08/1995	*****85	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38662
177	TRẦN BÁ KHA	06/01/1994	*****07	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		39207
178	ĐẬU THỊ KHAI	15/02/1985	*****75	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		41842
179	NGUYỄN VĂN KHANG	23/05/1996	*****03	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		38663

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
180	NGUYỄN DUY KHANH	17/11/2004	*****18	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		37847
181	PHAN ĐÌNH KHÁNH	10/09/2003	*****48	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38851
182	NGUYỄN HỮU KHÁNH	02/09/2005	*****38	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		38681
183	NGUYỄN VĂN KHÁNH	20/12/1992	*****22	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		41116
184	NGUYỄN XUÂN KHOA	06/09/1997	*****25	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41843
185	NGUYỄN QUANG KHỞI	22/02/1993	*****71	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x		37881
186	NGUYỄN THỊ KHUYÊN	17/11/1995	*****73	Xã Sơn Giang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41916
187	NGUYỄN VIỆT KIÊN	11/07/1995	*****53	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38383
188	TRẦN THỊ THÚY KIỀU	14/03/1996	*****76	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41812
189	NGUYỄN DUY KỶ	22/05/1999	*****86	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		38535
190	VÕ THỊ LÀI	02/10/1983	*****94	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40066
191	TRỊNH THỊ LÀI	15/10/1992	*****87	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41844
192	NGUYỄN THỊ LÂM	16/12/1975	*****86	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41813
193	ĐÌNH TRỌNG LÂM	24/05/2007	*****70	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	38991
194	HOÀNG THỊ NGỌC LAN	24/03/1973	*****21	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		41760
195	LƯƠNG THỊ LAN	22/06/1986	*****24	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		41784
196	NGUYỄN THỊ LAN	05/07/1993	*****79	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		41814
197	LÊ THỊ LAN	16/09/1995	*****88	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41917

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
198	DƯƠNG XUÂN LÊ	22/01/1980	*****41	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		38042
199	NGUYỄN THỊ LÊ	10/06/1993	*****92	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41845
200	HỒ THỊ MỸ LÊ	20/02/2004	*****38	Xã Nam Đông, Thành phố Huế	x		39111
201	TẦN LÊ LỆ	20/03/1983	*****24	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41846
202	TRẦN NHẬT LINH	20/09/1994	*****52	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41746
203	VÕ VIẾT LINH	22/01/1991	*****03	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		33837
204	BÙI QUYỀN LINH	15/11/2006	*****11	Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An	x		38716
205	NGUYỄN MAI LINH	03/11/2001	*****18	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40547
206	NGUYỄN THỊ LINH	01/10/1997	*****32	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39039
207	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	07/07/1990	*****95	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		41785
208	NGUYỄN XUÂN LINH	26/02/1991	*****33	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41786
209	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	05/06/1995	*****72	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		41815
210	NGUYỄN THỊ LINH	14/03/2004	*****94	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41847
211	TRẦN THỊ MỸ LINH	19/05/1993	*****85	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		41848
212	NGUYỄN THỊ LINH	22/06/1999	*****82	Xã Xuân Viên, Tỉnh Phú Thọ	x	A1	41918
213	HỒ THỊ THÙY LINH	06/04/2005	*****06	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		39277
214	PHAN VĂN LINH	06/04/1994	*****17	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		38992
215	NGUYỄN VĂN LĨNH	09/10/1972	*****69	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40857

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
216	NGUYỄN THỊ LOAN	06/12/1993	*****51	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41217
217	NGUYỄN THỊ LOAN	01/02/1996	*****67	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41270
218	VI VĂN LONG	07/04/1984	*****18	Xã Yên Na, Tỉnh Nghệ An	x		37865
219	NGUYỄN ĐÌNH LONG	04/09/1994	*****48	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		39208
220	NGUYỄN SƠN LONG	20/04/1990	*****05	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36954
221	NGUYỄN THỊ LONG	06/11/1976	*****50	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40466
222	ĐẶNG VĂN LONG	08/10/1979	*****26	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41218
223	NGUYỄN CẢNH LUÂN	20/02/1989	*****73	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		38664
224	NGUYỄN ĐÌNH LƯƠNG	21/08/2006	*****34	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38694
225	NGUYỄN THỊ BÍCH LƯỢNG	15/05/1987	*****55	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		41127
226	TRẦN CẨM LY	16/02/2006	*****91	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		39109
227	NGUYỄN THỊ LÝ	16/11/1985	*****47	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40441
228	NGUYỄN THỊ LÝ	18/08/1998	*****30	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40005
229	NGUYỄN THỊ LÝ	10/07/1974	*****60	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		40191
230	PHẠM THỊ MAI	01/05/1984	*****18	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41165
231	LƯƠNG VĂN MẶN	02/06/1992	*****98	Xã Ia Mơ, Tỉnh Gia Lai	x	A1	38665
232	TRỊNH VĂN MẠNH	28/02/1994	*****94	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		38993
233	NGUYỄN THỊ MẾN	19/03/2004	*****47	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		40212

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
234	NGUYỄN VĂN MINH	17/09/1976	*****55	Xã Chiêu Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		37950
235	THÁI HỮU MINH	10/11/1964	*****56	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40067
236	LÊ THỊ MƠ	06/08/1995	*****89	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41919
237	CAO THỊ MÙI	02/04/1991	*****35	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		41849
238	LƯƠNG VĂN MUN	15/09/1981	*****63	Xã Yên Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		38431
239	PHAN VĂN MƯỜI	08/05/1979	*****65	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		40770
240	PHẠM VĂN NAM	08/02/2001	*****33	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		36278
241	HOÀNG NAM	02/08/1989	*****65	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		31201
242	HỒ THỊ GIANG NAM	18/06/1985	*****99	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		41787
243	LƯU DŨNG NAM	14/07/1996	*****9	Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội	x	A1	38994
244	HOÀNG NĂM	12/11/1969	*****58	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		41364
245	NGÔ THỊ HẰNG NGA	04/05/1990	*****70	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		41109
246	NGÔ THỊ NGA	10/02/1985	*****54	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		40110
247	NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	10/05/1998	*****78	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41788
248	NGUYỄN THỊ THANH NGA	17/06/1987	*****11	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		41817
249	PHẠM TRUNG NGHĨA	22/07/2005	*****60	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38295
250	MAI HUY NGHIÊM	30/10/1997	*****77	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38876
251	NGUYỄN CÔNG NGỌ	24/12/1991	*****60	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38995

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
252	NGUYỄN VĂN NGỌC	03/08/1995	*****59	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		38299
253	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	19/01/2003	*****12	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	38277
254	NGUYỄN TRỌNG NGỌC	19/06/1993	*****08	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x		37404
255	TRỊNH QUỐC NGỌC	27/10/1997	*****23	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38711
256	LÊ THỊ NGỌC	04/04/1992	*****02	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41920
257	NGUYỄN XUÂN NGUYỄN	10/06/1977	*****36	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	39158
258	TRƯƠNG THỊ THẢO NGUYỄN	05/05/1977	*****96	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		41272
259	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	16/06/1995	*****63	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		41818
260	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	06/12/1998	*****99	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41435
261	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	10/12/1993	*****00	Xã Hương Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41763
262	NGUYỄN THỊ NHÀN	20/10/1989	*****03	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		41223
263	CAO THỊ THANH NHÀN	19/02/1996	*****03	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41790
264	NGUYỄN ĐÌNH NHẤT	25/09/1997	*****41	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		38709
265	ĐẬU SỸ NHẬT	05/04/2002	*****22	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		40843
266	NGUYỄN THỊ AN NHI	22/05/2003	*****027	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		39863
267	TRẦN THỊ NHƯ'	20/10/1993	*****88	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39278
268	VÕ THỊ NHUẬN	08/01/1974	*****79	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		41921
269	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	10/02/1981	*****86	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41762

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
270	LÊ THỊ TUYẾT NHUNG	02/04/1999	*****54	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		41851
271	HOÀNG THỊ NHUNG	07/11/1991	*****69	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41850
272	HỒ SĨ NINH	18/10/1999	*****08	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38698
273	TRẦN HUY NINH	18/09/1995	*****68	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38996
274	NGUYỄN THỊ NỤ	28/10/1996	*****09	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		39279
275	LÊ THỊ KIỀU OANH	26/06/1996	*****73	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41249
276	HOÀNG THỊ OANH	11/04/1988	*****96	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		41436
277	NGUYỄN THỊ OANH	13/06/1991	*****80	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41150
278	PHAN TRÂM OANH	21/02/1996	*****10	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41791
279	HOÀNG THỊ LÂM OANH	02/02/1996	*****00	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41819
280	VÕ THỊ KIỀU OANH	01/08/1993	*****58	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41852
281	LÊ TUẤN PHÁT	02/09/2006	*****44	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38136
282	TRẦN ANH PHI	24/04/2000	*****69	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		38849
283	HỒ NGỌC PHI	16/09/1996	*****63	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38790
284	VI VĂN PHONG	12/04/1982	*****17	Xã Yên Na, Tỉnh Nghệ An	x		39126
285	TRẦN DUY PHONG	19/03/1988	*****60	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		38718
286	LÊ XUÂN PHONG	10/03/1988	*****45	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		39280
287	NGUYỄN ĐẮC PHONG	07/10/1991	*****12	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38666

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
288	BÙI CÔNG PHU	10/10/1979	*****73	Xã Đức Đồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41922
289	NGUYỄN DUY PHÚ	10/07/1993	*****35	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		38791
290	NGUYỄN CÔNG PHÚC	13/01/1993	*****13	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		38289
291	ĐẶNG HỒNG PHƯƠNG	03/09/1969	*****94	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		41112
292	LÊ THỊ HỒNG PHƯƠNG	10/10/1989	*****91	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		41273
293	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	10/06/1994	*****22	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		41295
294	LÊ THỊ PHƯƠNG	28/04/1993	*****02	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40415
295	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	02/02/1990	*****81	Xã Cổ Đàm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41923
296	VÕ THỊ PHƯƠNG	19/07/1993	*****65	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41251
297	LÊ THỊ PHƯƠNG	17/01/1991	*****51	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41368
298	VÕ THỊ PHƯƠNG	03/09/1971	*****15	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		41924
299	PHAN VĂN QUÂN	12/12/1993	*****21	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38806
300	TRẦN HOÀNG QUÂN	16/09/1996	*****85	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		41741
301	ĐẶNG MINH QUÂN	09/09/2006	*****90	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39209
302	NGUYỄN BÙI ANH QUÂN	29/10/2005	*****47	Xã Mừng Xén, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38269
303	CỤT HỒNG QUÂN	18/10/1974	*****76	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39313
304	ĐẶNG ĐÌNH QUÂN	25/10/1988	*****78	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38085
305	ĐẶNG HỒNG QUANG	17/03/2002	*****68	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		38997

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
306	VI ANH QUỐC	22/04/2001	*****91	Xã Mường Chông, Tỉnh Nghệ An	x		38667
307	CAO NHƯ QUÝ	26/06/1993	*****76	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38617
308	PHẠM NGỌC QUÝ	04/08/2002	*****82	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38686
309	PHẠM THỊ QUÝ	31/05/2003	*****31	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41853
310	NGUYỄN NGỌC QUÝ	31/12/2007	*****01	Phường Hoành Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		39281
311	TRẦN MINH QUÝ	02/10/1984	*****91	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	38998
312	NGUYỄN THỊ QUYÊN	15/09/1989	*****40	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		24045
313	DƯƠNG TRỌNG QUYẾT	03/01/2007	*****61	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40549
314	NGUYỄN THỊ QUỲNH	25/08/1992	*****62	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41370
315	TRẦN THỊ QUỲNH	20/11/1996	*****40	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39282
316	THÁI THỊ THU SANG	17/11/2003	*****22	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41925
317	NGUYỄN QUANG SÁNG	09/08/1996	*****12	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39110
318	NGUYỄN THỊ SÁU	20/06/1995	*****87	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x		41071
319	CAO THỊ KIM SOA	12/11/1990	*****85	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		39308
320	NGUYỄN THỊ SOA	13/10/1978	*****88	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41820
321	HOÀNG VĂN SƠN	15/08/1999	*****29	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		34453
322	NGUYỄN NGỌC SƠN	04/06/1996	*****36	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		38833
323	LÊ MẠNH SƠN	19/02/1995	*****46	Phường Phố Yên, Tỉnh Thái Nguyên	x		39123

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
324	NGUYỄN HOÀNG SƠN	26/12/1993	*****92	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		39525
325	TRỊNH THỊ SƠN	21/02/1986	*****97	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		41926
326	TRẦN BÌNH SƠN	21/11/1986	*****22	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39283
327	NGUYỄN NGỌC SƠN	02/08/1989	*****52	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		38669
328	NGUYỄN CÔNG SƠN	04/08/2007	*****75	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		38999
329	PHAN THỊ SỰ	02/01/1980	*****77	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		41854
330	LÊ THỊ VÂN SƯƠNG	22/12/1982	*****97	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		37383
331	BÙI THỊ MAI SƯƠNG	23/10/1998	*****42	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39284
332	NGUYỄN VĂN SỸ	19/06/1980	*****45	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		36829
333	NGUYỄN VĂN SỸ	28/03/1996	*****27	Xã Kỳ Vãn, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	39000
334	NGUYỄN VĂN TÀI	07/10/1988	*****22	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		39108
335	TRẦN VĂN TÀI	17/03/2007	*****65	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	41767
336	NGUYỄN TẤN TÀI	01/06/2007	*****91	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		38553
337	LƯU ĐỨC TÀI	20/04/1992	*****43	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		38708
338	NGUYỄN VĂN TÀI	28/02/1994	*****85	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36286
339	PHAN VĂN TÀI	20/08/1988	*****85	Xã Đức Cơ, Tỉnh Gia Lai	x		38877
340	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	29/10/1976	*****83	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41855
341	PHAN THỊ TÂM	21/01/1994	*****86	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41856

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
342	LƯƠNG VĂN THÁI	15/08/1988	*****79	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38759
343	NGUYỄN ĐỨC THÁI	05/08/1996	*****36	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38670
344	VÕ THỊ THẨM	20/02/1991	*****64	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		226345
345	LÔ VĂN THẮNG	16/02/1972	*****99	Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		41296
346	NGUYỄN VĂN THẮNG	20/05/1973	*****74	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39975
347	ĐẶNG TRỌNG THẮNG	15/01/1994	*****24	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36288
348	HOÀNG CÔNG THẮNG	01/02/2004	*****36	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38678
349	VI VĂN THẮNG	16/07/1978	*****44	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x		38241
350	NGUYỄN ĐĂNG THẮNG	21/10/1997	*****21	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41857
351	NGUYỄN VĂN THẮNG	16/07/1992	*****62	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38671
352	PỊT VĂN THẮNG	27/02/1990	*****04	Xã Keng Đu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38672
353	NGÔ TRÍ THANH	05/01/1984	*****52	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		38607
354	NGUYỄN BÁ THANH	26/11/1988	*****12	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		39103
355	PHAN THỊ THANH	06/02/1988	*****67	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		41793
356	NGUYỄN THỊ THANH	09/11/1989	*****21	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41858
357	PHAN THỊ THANH THANH	07/08/1994	*****93	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		41859
358	NGUYỄN CÔNG THÀNH	17/11/1996	*****34	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41745
359	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	19/05/1989	*****09	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36289

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
360	NGUYỄN VĂN THÀNH	02/06/1992	*****35	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		31776
361	NGUYỄN THỊ THÀNH	31/08/1978	*****68	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		40480
362	NGUYỄN VĂN THÀNH	30/05/1980	*****03	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		38673
363	NGUYỄN HUY THÀNH	16/09/1991	*****76	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39001
364	TRẦN NHẬT THÀNH	23/11/2007	*****34	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	39002
365	HOÀNG VĂN THAO	15/08/1992	*****13	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		38541
366	NGUYỄN VIỆT THẢO	30/10/1999	*****98	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		37397
367	NGUYỄN THỊ THẢO	25/07/1995	*****35	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		40896
368	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	18/09/1970	*****61	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40405
369	LÊ THỊ THẢO	18/07/1995	*****08	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40983
370	PHẠM THỊ THẢO	10/01/1992	*****98	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		41794
371	HOÀNG MẠNH THẬT	23/09/1989	*****11	Xã Hương Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38340
372	NGUYỄN VĂN THI	05/05/1983	*****56	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		8756
373	NGUYỄN THỊ THI	17/09/1997	*****61	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36921
374	VI THỊ THIÊN	03/12/1978	*****69	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	x		40003
375	NGUYỄN SỸ THIỆU	22/08/1993	*****78	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38674
376	ĐÀO THỊ THÌN	12/11/1988	*****05	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		41757
377	NGÔ BÁ THỊNH	20/02/1990	*****26	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		38675

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
378	VÕ THỊ ANH THƠ	17/05/1991	*****56	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40450
379	TRẦN THỊ ANH THƠ	26/01/1983	*****90	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41860
380	BÙI THỊ THOA	20/11/1990	*****24	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40973
381	NGUYỄN THỊ THOA	29/09/1990	*****32	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41927
382	PHẠM THỊ THOM	10/09/1986	*****90	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	39124
383	LÔ VĂN THOM	10/03/1992	*****58	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		41748
384	NGUYỄN VĂN THÔNG	25/05/1993	*****87	Xã Mai Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38717
385	LƯƠNG THỊ THÔNG	06/08/1982	*****24	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		37391
386	TRẦN VĂN THÔNG	06/02/1999	*****64	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40968
387	VI VĂN THÔNG	09/12/1982	*****18	Xã Yên Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41795
388	LƯƠNG VĂN THÔNG	15/12/2004	*****06	Xã Keng Đu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38676
389	HỒ THỊ THU	30/08/1986	*****22	Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40637
390	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	24/10/1987	*****44	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41861
391	LÊ VĂN THỨ	16/10/1987	*****74	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		39285
392	ĐÀO VĂN THỨ	04/08/1971	*****17	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		39529
393	VÕ THỊ MINH THỨ	13/05/1986	*****64	Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau	x		41080
394	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	20/02/1981	*****02	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		41821
395	NGÔ TRÍ THỨC	16/10/2006	*****35	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		35621

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
396	NGUYỄN THỊ XUÂN THƯƠNG	20/07/1994	*****37	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		41373
397	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	03/12/1995	*****08	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41255
398	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	13/12/1993	*****90	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		41796
399	PHAN TRỌNG THƯƠNG	03/04/1983	*****91	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41862
400	HOÀNG THỊ THƯỜNG	01/07/1988	*****28	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	36913
401	NGUYỄN THỊ THÚY	01/10/1983	*****96	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38779
402	NGUYỄN THỊ THÚY	16/08/1984	*****89	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		39537
403	NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY	05/10/1993	*****35	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		41928
404	NGUYỄN THỊ THỦY	10/06/1983	*****63	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	41375
405	NGUYỄN THỊ THỦY	10/10/1994	*****45	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		41744
406	NGUYỄN PHÙNG THỦY	10/11/1992	*****82	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	34944
407	HOÀNG THỊ THỦY	15/08/1980	*****94	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41374
408	ĐOÀN THỊ THANH THỦY	02/03/1977	*****24	Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41929
409	PHAN DOÃN NHẬT TIẾN	03/10/2001	*****09	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A01	39102
410	BÙI ANH TIẾN	28/09/1992	*****94	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		38388
411	NGUYỄN VĂN TIẾN	01/10/1970	*****69	Phường Nam Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41797
412	PHAN VĂN TIỆP	19/09/1983	*****05	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		36291
413	NGUYỄN THỊ TÌNH	17/08/1990	*****87	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		39019

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
414	HỒ SỸ TÌNH	19/02/1999	*****31	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		38677
415	HOÀNG VĂN TỊNH	18/01/1992	*****31	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		39210
416	NGUYỄN THẾ TỊNH	16/12/1980	*****37	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41164
417	NGUYỄN THỊ HÀ TỊNH	12/01/1983	*****48	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38160
418	NGUYỄN VĂN TOẠI	27/05/1989	*****17	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		38880
419	ĐINH VĂN TOÁN	28/07/1983	*****19	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		38393
420	LÊ THANH TOÀN	23/08/1976	*****77	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		8756
421	PHẠM NHẬT TOÀN	05/10/1999	*****30	Xã Hồng Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	38837
422	ĐẬU ĐỨC TÔN	27/07/1982	*****49	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39286
423	NGUYỄN DUY TRÂM	30/11/1982	*****74	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		39122
424	CAO THỊ HÀ TRANG	28/12/2002	*****49	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39419
425	NGÔ THỊ HIỀN TRANG	27/05/1989	*****21	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		41078
426	VÕ THỊ QUỲNH TRANG	10/04/1998	*****11	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40974
427	NGUYỄN THỊ THU TRANG	15/09/1992	*****59	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		41064
428	NINH NGUYỄN HUYỀN TRANG	15/11/1993	*****33	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41750
429	PHAN THỊ QUỲNH TRANG	24/06/1997	*****16	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		36294
430	NGUYỄN THỊ TRANG	02/09/1998	*****03	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		41798
431	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	01/11/1991	*****20	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41799

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
432	PHAN THỊ MAI TRANG	04/05/1993	*****79	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	41800
433	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	29/11/1993	*****04	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41822
434	PHAN THỊ TRANG	11/01/1992	*****17	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		41864
435	ĐINH THỊ THU TRANG	25/01/1991	*****70	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41863
436	HOÀNG THỊ THÙY TRANG	04/0482001	*****87	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40074
437	NGUYỄN VĂN TRÍ	27/12/1997	*****45	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		39003
438	NGUYỄN ĐÌNH TRIẾT	05/07/2002	*****00	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38881
439	HOÀNG THỊ TRINH	13/03/1993	*****35	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		41823
440	TRẦN THỊ TRINH	13/07/1994	*****85	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41930
441	HỒ SỸ TRÌNH	19/05/1986	*****88	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		38103
442	NGUYỄN ĐỨC TRÌNH	04/10/1994	*****66	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		39287
443	NGUYỄN VĂN TRỌNG	06/11/1974	*****37	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		31291
444	PHẠM XUÂN TRÚC	01/07/1972	*****80	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		41931
445	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	17/01/2004	*****89	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	37956
446	NGUYỄN HỒNG TRUNG	02/06/1980	*****60	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		38703
447	NGUYỄN VĂN TRUNG	12/11/1991	*****15	Xã Tùng Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x		39211
448	NGUYỄN LƯƠNG TRUNG	07/07/1997	*****07	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		41801
449	TRẦN BẢO TRUNG	26/06/1996	*****84	Xã Ia Hrun, Tỉnh Gia Lai	x	A1	39004

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
450	BÙI VĂN TRƯỜNG	14/07/1964	*****15	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	35007
451	HOÀNG ĐẮC TRƯỜNG	09/09/1977	*****96	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		39113
452	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	30/03/2006	*****26	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		39115
453	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	05/01/1995	*****98	Xã Đông Kinh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41802
454	TRẦN VĂN TRUYỀN	20/08/1998	*****06	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39005
455	VI ĐÌNH TÚ	15/07/2006	*****11	Xã Chiêu Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38882
456	HOÀNG ĐÌNH TÚ	29/10/1995	*****64	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		34682
457	NGUYỄN VĂN TÚ	10/12/1992	*****18	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39289
458	BÙI HOÀNG TUẤN	17/12/1988	*****05	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		38546
459	PHAN VĂN TUẤN	20/10/1983	*****04	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38829
460	LÊ VĂN TUẤN	10/02/1996	*****38	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		37864
461	VI ANH TUẤN	01/02/1992	*****73	Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		36293
462	PHẠM ĐÌNH TUẤN	20/11/1995	*****87	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39105
463	ĐÀO DANH TUẤN	30/08/2007	*****57	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		38699
464	HOÀNG THÁI TUẤN	26/05/1983	*****29	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		35609
465	LÊ THÁI TUẤN	21/10/2002	*****25	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	39212
466	NGUYỄN DOÃN TUẤN	27/06/1986	*****17	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		41824
467	PHAN ANH TUẤN	11/01/2000	*****12	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39006

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
468	NGUYỄN VĂN TÙNG	20/08/1972	*****15	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41932
469	MÙA A TÙNG	17/04/2005	*****89	Xã Mường Xén, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38792
470	GIẢN VIỆT TUYẾN	12/02/1989	*****84	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		34462
471	NGUYỄN THỊ TUYẾT	18/10/1985	*****38	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41076
472	NGUYỄN THỊ TUYẾT	02/12/1980	*****85	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		41933
473	TRẦN THỊ TUYẾT	10/06/1982	*****00	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		41935
474	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	15/06/1975	*****06	Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41934
475	TRẦN HOÀI ƯỚC	10/06/1998	*****94	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	39290
476	LÊ PHƯƠNG UYÊN	08/04/2007	*****75	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41803
477	NGUYỄN THỊ VÂN	15/07/1988	*****06	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		36377
478	ĐINH THỊ HỒNG VÂN	23/11/1999	*****86	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41115
479	KHÁNH THÚY VÂN	30/01/1999	*****8	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41825
480	NGUYỄN THỊ VÂN	29/02/2000	*****04	Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41826
481	PHAN THỊ VÂN	20/05/1998	*****49	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41827
482	NGUYỄN THỊ VÂN	05/10/1996	*****88	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41936
483	NGUYỄN BÁ QUỐC VIỆT	02/02/2001	*****22	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		39119
484	NGUYỄN THỊ HỒNG VINH	21/10/1982	*****37	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		41752
485	PHAN THỊ VINH	06/09/1990	*****54	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		39408

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
486	NGUYỄN THANH VINH	30/03/2006	*****08	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39114
487	PHAN CAO TRƯỜNG VĨNH	13/10/2001	*****04	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	B2	34606
488	ĐẶNG VĂN VĨNH	16/06/1985	*****26	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x		34683
489	LÊ QUỐC VÕ	16/03/1996	*****85	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		37187
490	VI VĂN VỎ	18/06/1974	*****99	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x	A1	37424
491	PHẠM ANH VŨ	29/05/1993	*****29	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x		35553
492	NGUYỄN TUẤN VŨ	02/08/1997	*****14	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		37913
493	CHU TUẤN VŨ	04/09/1992	*****45	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		41039
494	NGUYỄN LƯU VŨ	25/12/1991	*****86	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		39291
495	TRẦN VĂN VƯƠNG	26/10/1992	*****57	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	B1	32553
496	LƯƠNG VI XÂY	15/09/1988	*****38	Xã Yên Na, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39127
497	NGUYỄN VĂN XÔ	07/04/1989	*****87	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39292
498	VI THỊ XOAN	13/08/1997	*****00	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x		41865
499	LÀU BÁ XỬ	16/12/1993	*****54	Xã Na Ngoi, Tỉnh Nghệ An	x	A1	38787
500	NGUYỄN THANH XUÂN	20/03/1984	*****91	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	39981
501	NGUYỄN VĂN XUÂN	01/08/1984	*****77	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		39293
502	LÊ SỸ Ý	16/06/1994	*****68	Xã Tùng Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x		39213
503	NGUYỄN THỊ YÊN	30/06/1973	*****05	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40933

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
504	NGUYỄN THỊ YẾN	15/07/1992	*****53	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		41116
505	LÊ THỊ YẾN	12/08/1977	*****72	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40074
506	NGUYỄN THỊ YẾN	13/11/1995	*****49	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	41866

**DANH SÁCH THÍ SINH CÓ GIẤY PHÉP LÁI XE QUÁ THỜI HẠN SỬ DỤNG
DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

(Kèm theo Quyết định số: 2549/QĐ-CAT-PC08 ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Công an tỉnh Nghệ An)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn GPLX	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch
1	ĐẶNG BÁ Á	25/10/1990	*****21	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	C	400134001429	Nghệ An	30/12/2024	Quá hạn	L
2	TRẦN VĂN AN	13/08/1987	*****56	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	C	400096000643	Nghệ An	28/12/2017	Quá hạn	L+H+Đ
3	TRẦN LÂM ANH	21/08/1978	*****41	Xã Nga My, Tỉnh Nghệ An	C	AR539001	Nghệ An	14/04/2014	Quá hạn	Đ
4	ĐINH VĂN ÁNH	02/06/1991	*****89	Xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	C	400158013879	Nghệ An	04/05/2025	Quá hạn	L
5	VY VĂN ÁNH	05/11/1978	*****85	Xã Mường Chông, Tỉnh Nghệ An	C	400991001099	Nghệ An	16/06/2025	Quá hạn	L
6	LANG VĂN BA	22/09/1987	*****36	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	C	400201007486	Nghệ An	05/05/2025	Quá hạn	L
7	HOÀNG ANH BÁ	12/07/1987	*****32	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C	400153032864	Nghệ An	15/09/2025	Quá hạn	L
8	LƯƠNG VĂN BÁCH	11/11/1970	*****74	Xã Môn Sơn, Tỉnh Nghệ An	C	400110005063	Nghệ An	28/09/2025	Quá hạn	L
9	PHAN VĂN BÌNH	09/05/1986	*****66	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	C	400155042126	Nghệ An	30/11/2015	Quá hạn	Đ
10	LÊ THANH CẢNH	01/05/1984	*****98	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	C	400093010478	Nghệ An	18/08/2025	Quá hạn	L
11	HOÀNG NGỌC CẢNH	26/07/1985	*****41	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	C	310160840476	Nghệ An	18/01/2026	Quá hạn	L
12	BẠCH SỸ MAI CAO	10/01/1995	*****54	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	C	400137033346	Hà Nội	12/08/2025	Quá hạn	L
13	LÊ VĂN CÔNG	10/11/1988	*****91	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	C	400151004052	Hà Tĩnh	21/01/2025	Quá hạn	L
14	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	16/10/1990	*****14	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	C	420107001874	Hà Tĩnh	20/06/2025	Quá hạn	L
15	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	16/10/1987	*****86	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	C	400095019219	Nghệ An	08/04/2025	Quá hạn	L
16	NGUYỄN CẢNH CƯỜNG	18/03/1989	*****48	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C	400070001288	Nghệ An	06/01/2019	Quá hạn	L

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn GPLX	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch
17	HOÀNG NĂNG CƯỜNG	05/01/1991	*****55	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	C	790207032158	Hồ Chí Minh	02/03/2025	Quá hạn	L
18	ĐẶNG VĂN CƯỜNG	16/11/1997	*****29	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	C	400152045364	Nghệ An	09/09/2024	Quá hạn	L
19	LỮ QUỐC CƯỜNG	22/05/1994	*****79	Xã Mường Xén, Tỉnh Nghệ An	C	400158040248	Nghệ An	03/12/2025	Quá hạn	L
20	HOÀNG MINH CHÂU	25/08/1975	*****06	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	C	400126008524	Nghệ An	04/08/2025	Quá hạn	L
21	NGUYỄN VIỆT CHIẾN	08/05/1990	*****15	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	C	450155000307	Nghệ An	06/10/2025	Quá hạn	L
22	NGUYỄN CÔNG CHIẾN	20/02/1992	*****74	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	C	400160017975	Nghệ An	24/06/2021	Quá hạn	L+H
23	NGUYỄN VĂN CHINH	10/08/1982	*****35	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	C	400150034184	Nghệ An	15/09/2025	Quá hạn	L
24	LÂU BÁ ĐÌA	21/07/1996	*****35	Xã Nậm Cắn, Tỉnh Nghệ An	C	400166031119	Nghệ An	20/02/2025	Quá hạn	L
25	NGUYỄN QUỐC DŨNG	30/10/1975	*****83	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	C	400062000336	Nghệ An	18/08/2025	Quá hạn	L
26	NGUYỄN THANH DƯƠNG	30/12/1980	*****83	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	C	310118004477	Nghệ An	26/06/2019	Quá hạn	L
27	ĐINH BẠT ĐẠI	01/03/1983	*****16	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	C	400090010475	Nghệ An	25/04/2020	Quá hạn	L
28	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	10/11/1998	*****37	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	C	270193018456	Nghệ An	10/12/2024	Quá hạn	L
29	HOÀNG TRUNG ĐÔNG	18/05/1988	*****03	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	C	400114001223	Nghệ An	07/02/2019	Quá hạn	L+H+Đ
30	NGUYỄN HỮU ĐỢI	11/11/1983	*****11	Phường Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	C	420154005368	Nghệ An	04/08/2025	Quá hạn	L
31	NGUYỄN VĂN GIANG	02/08/1982	*****5	Xã Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	C	400112000510	Nghệ An	15/06/2025	Quá hạn	L
32	KHA VĂN GIÁO	27/12/1986	*****38	Xã Yên La, Tỉnh Nghệ An	C	400156044468	Nghệ An	19/04/2021	Quá hạn	L+H+Đ
33	TRẦN MẠNH HÀ	10/03/1988	*****49	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	C	400154008178	Nghệ An	12/02/2025	Quá hạn	L
34	NGUYỄN HỮU HẢI	20/06/1989	*****24	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	C	400182003484	Nghệ An	31/01/2023	Quá hạn	L

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn GPLX	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch
35	TRƯỜNG THANH HẢI	10/03/1982	*****27	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	C	400126010792	Nghệ An	13/01/2026	Quá hạn	L
36	PHAN CÔNG HẢI	18/08/1971	*****93	Diễn Yên, Diễn Châu, Nghệ An	C	400014001297	Nghệ An	30/03/2025	Quá hạn	L+H+Đ
37	NGUYỄN VIỆT HẢI	03/01/1992	*****60	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	C	400117401772	Nghệ An	18/03/2024	Quá hạn	L+H+Đ
38	CAO VĂN HẢI	05/11/1985	*****84	Quỳnh Mỹ, Quỳnh Lưu, Nghệ An	C	400173027309	Nghệ An	21/09/2022	Quá hạn	L+H+Đ
39	HOÀNG HIÊN	08/06/1991	*****21	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	C	790155189889	Nghệ An	17/09/2025	Quá hạn	L
40	TRẦN KIM HIÊN	10/05/1987	*****60	Phường Trần Phú, Tỉnh Hà Tĩnh	C	420109200433	Nghệ An	10/03/2025	Quá hạn	L
41	NGUYỄN TRUNG HIỆP	23/12/1989	*****64	Xã Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C	400142004324	Nghệ An	24/06/2025	Quá hạn	L
42	BẠCH SỸ HIỆP	29/04/1989	*****63	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	C	010157026101	Nghệ An	11/03/2025	Quá hạn	L
43	NGUYỄN VĂN HIẾU	18/10/1989	*****10	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	C	400138019839	Nghệ An	16/12/2025	Quá hạn	L
44	ĐƯỜNG VĂN HÒA	11/02/1986	*****73	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	C	310140022313	Nghệ An	03/06/2024	Quá hạn	L
45	TÔ VIỆT HÒA	10/11/1973	*****81	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	C	990156894173	Nghệ An	13/10/2025	Quá hạn	L
46	LÊ VĂN HÒA	07/05/1982	*****98	Bác Sơn, Đô Lương, Nghệ An	C	400082102089	Nghệ An	24/04/2019	Quá hạn	L+H+Đ
47	HỒ NHƯ HÒA	20/11/1985	*****09	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	C	L689008	Nghệ An	17/09/2012	Quá hạn	L+H+Đ
48	NGUYỄN ĐÌNH HÓA	10/10/1977	*****07	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	C	310149032113	Nghệ An	08/01/2025	Quá hạn	L
49	BÙI VĂN HOÀNG	12/05/1984	*****82	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	C	310158044794	Hải Phòng	18/12/2020	Quá hạn	H
50	TRẦN HẬU HOÀNG	21/11/1992	*****93	Phường Trần Phú, Tỉnh Hà Tĩnh	C	400133045349	Hà Tĩnh	27/07/2025	Quá hạn	L
51	ĐÌNH HỒNG HOÀNG	23/10/1993	*****07	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	C	400202002095	Nghệ An	18/01/2025	Quá hạn	L
52	LÊ VĂN HÒE	10/04/1994	*****37	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	C	400181003609	Nghệ An	24/09/2025	Quá hạn	L

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn GPLX	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch
53	NGUYỄN THANH HÙNG	28/08/1979	*****54	Phường Trường Thi, Tỉnh Nghệ An	C	400104013311	Nghệ An	18/05/2025	Quá hạn	L
54	LÊ VĂN HÙNG	10/08/1978	*****39	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	C	400164012118	Nghệ An	14/01/2025	Quá hạn	L
55	CHU THANH HÙNG	21/06/1982	*****83	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	C	400155019690	Nghệ An	31/07/2025	Quá hạn	L
56	NGUYỄN VĂN HÙNG	02/02/1994	*****39	Xã Phúc Trạch, Tỉnh Hà Tĩnh	C	420147005254	Hà Tĩnh	03/09/2025	Quá hạn	L
57	TRẦN VĂN HÙNG	09/01/1996	*****06	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	C	400144013795	Nghệ An	17/10/2025	Quá hạn	L
58	HỒ CẢNH HÙNG	15/10/1981	*****36	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	C	400140039991	Nghệ An	23/10/2025	Quá hạn	L
59	ĐẬU MẠNH HÙNG	20/07/1983	*****06	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C	400206019172	Nghệ An	08/03/2026	Quá hạn	L
60	TRẦN VĂN HÙNG	15/06/1989	*****46	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	C	400118014610	Nghệ An	07/03/2021	Quá hạn	Đ
61	HOÀNG ĐÌNH HÙNG	21/10/1976	*****31	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	C	420125005533	Nghệ An	29/04/2021	Quá hạn	L+H
62	PHẠM VĂN HÙNG	08/01/1981	*****41	Xã Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	C	400082101981	Nghệ An	04/06/2025	Quá hạn	L
63	NGUYỄN THỌ HỮU	22/05/1990	*****07	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	C	310155023901	Nghệ An	06/08/2025	Quá hạn	L
64	TRẦN KHẮC KHANG	12/07/1993	*****95	Xã Anh Sơn, Nghệ An	C	170182010112	Nghệ An	07/09/2023	Quá hạn	L+H+Đ
65	NGUYỄN QUANG KHƯƠNG	01/03/1987	*****89	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	C	400087039089	Nghệ An	02/12/2024	Quá hạn	L
66	ĐÌNH HỮU LÂM	15/02/1987	*****74	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C	400152045931	Nghệ An	05/06/2024	Quá hạn	L+H+Đ
67	HỒ SỸ LÂN	02/08/1987	*****92	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	C	370153007037	Nghệ An	17/08/2025	Quá hạn	L
68	NGUYỄN VĂN LỰC	20/10/1982	*****6	Xã Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	C	400114007885	Nghệ An	08/04/2025	Quá hạn	L
69	NGUYỄN VĂN LỰC	27/09/1986	*****94	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	C	310154023324	Nghệ An	10/08/2025	Quá hạn	L
70	NGUYỄN ĐÌNH MẢO	20/06/1987	*****96	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	C	790153241194	Nghệ An	28/10/2025	Quá hạn	L

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn GPLX	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch
71	HÀ TRỌNG MỸ	13/06/1994	*****85	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	C	400127008327	Nghệ An	19/08/2025	Quá hạn	L
72	BÙI QUỐC NAM	04/04/1993	*****95	Xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	C	400171012619	Nghệ An	18/06/2024	Quá hạn	L+H+Đ
73	PHAN KHẮC NHÂN	10/12/1993	*****84	Xã Diên Sanh, Tỉnh Quảng Trị	C	310160003691	Nghệ An	17/01/2025	Quá hạn	L
74	HỒ VĂN PHẬN	16/03/1976	*****05	Xã Thần Linh, Tỉnh Nghệ An	C	400177008467	Nghệ An	31/03/2022	Quá hạn	L+H+Đ
75	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	06/08/1986	*****83	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	C	790205131200	Hồ Chí Minh	14/09/2025	Quá hạn	L
76	NGUYỄN THIÊN PHÚC	21/03/1994	*****35	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	C	450159000185	Nghệ An	05/05/2025	Quá hạn	L
77	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	16/10/1995	*****46	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	C	400162035940	Bình Dương	24/04/2025	Quá hạn	L
78	TRẦN HẢI PHƯƠNG	05/02/1978	*****58	Xã Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	C	400071001045	Nghệ An	17/04/2023	Quá hạn	L
79	LÊ HÀO QUANG	24/05/1977	*****97	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	C	310156035279	Nghệ An	07/09/2025	Quá hạn	L
80	NGUYỄN CẢNH QUANG	01/02/1990	*****99	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	C	400141036562	Nghệ An	25/02/2025	Quá hạn	L
81	ĐẬU VĂN QUẢNG	19/09/1991	*****30	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	C	400150002765	Nghệ An	14/08/2025	Quá hạn	L
82	NGUYỄN VĂN QUỐC	26/12/1990	*****83	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	C	460203005457	Thừa Thiên Huế	20/07/2025	Quá hạn	L
83	NGUYỄN TUẤN QUỲNH	25/04/1989	*****45	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C	580144003265	Ninh Thuận	22/04/2025	Quá hạn	L
84	NGUYỄN VĂN SÁNG	15/09/1992	*****83	Xã Sơn Kim 1, Tỉnh Hà Tĩnh	C	400205007020	Nghệ An	25/03/2025	Quá hạn	L
85	LÊ VĂN SINH	20/03/1991	*****66	Xã Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	C	400171007417	Nghệ An	20/03/2022	Quá hạn	L+H+Đ
86	TRẦN NGỌC SƠN	10/11/1987	*****47	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	C	400140034095	Nghệ An	11/05/2025	Quá hạn	L
87	VÕ TẤN TÀI	08/08/1998	*****014	Xã Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	C	400162028416	Nghệ An	30/12/2024	Quá hạn	L
88	NGUYỄN ĐÌNH TÀI	27/10/1988	*****83	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	C	400219000147	Nghệ An	06/01/2026	Quá hạn	L

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn GPLX	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch
89	HOÀNG VĂN TÁM	15/08/1994	*****12	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	C	790153192612	Nghệ An	01/09/2025	Quá hạn	L
90	LÊ ĐỨC TIỀN	21/09/1987	*****80	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C	400143021317	Nghệ An	30/07/2025	Quá hạn	L
91	ĐÀO CHÍ TIỀN	31/10/1991	*****17	Xã Thành Vinh, Tỉnh Nghệ AN	C	400148016174	Nghệ An	18/11/2024	Quá hạn	L
92	NGUYỄN VĂN TIỀN	02/10/1975	*****25	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	C	400195033087	Nghệ An	31/12/2024	Quá hạn	L
93	TRẦN VĂN TOÀN	29/07/1989	*****21	Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An	C	010108009133	Nghệ An	05/03/2026	Quá hạn	L
94	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	17/09/1987	*****05	Xuân Hồng, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	C	400100000267	Nghệ An	11/01/2018	Quá hạn	L+H+Đ
95	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	28/08/1986	*****06	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	C	AR208224	Nghệ An	26/01/2014	Quá hạn	L+H+Đ
96	NGUYỄN XUÂN TOÀN	25/03/1986	*****97	Xuân An, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	C	400085111875	Nghệ An	30/07/2024	Quá hạn	L
97	TRẦN ANH TUẤN	28/05/1990	*****19	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	C	400154045249	Nghệ An	06/01/2025	Quá hạn	L
98	THÁI VĂN TUẤN	07/05/1991	*****19	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	C	400140003224	Nghệ An	06/07/2025	Quá hạn	L
99	NGUYỄN CẢNH TUẤN	25/05/1990	*****75	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	C	310188035098	Hải Phòng	10/10/2023	Quá hạn	L+H+Đ
100	NGUYỄN VĂN TUẤN	08/08/1989	*****51	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	C	400188016396	Nghệ An	03/07/2023	Quá hạn	L+H+Đ
101	HOÀNG VIỆT TÙNG	10/04/1977	*****86	Nghi Phong, Nghi Lộc, Nghệ An	C	400107000282	Nghệ An	10/04/2023	Quá hạn	L+H+Đ
102	HOÀNG VĂN TỬ	29/12/1981	*****88	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	C	400121003975	Nghệ An	16/12/2024	Quá hạn	L
103	NGUYỄN CẢNH TƯỜNG	10/01/1987	*****73	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	C	260169009528	Nghệ An	30/08/2023	Quá hạn	L+H+Đ
104	LÊ VĂN THÁI	15/04/1988	*****09	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	C	400129005980	Gia Lai	10/01/20205	Quá hạn	L
105	TRẦN BÁ THANH	20/06/1982	*****65	Xã Thạch Lạc, Tỉnh Hà Tĩnh	C	420217000125	Hà Tĩnh	15/01/2026	Quá hạn	L
106	TRẦN KIM THANH	08/04/1985	*****07	Xã Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	C	AP469282	Nghệ An	01/09/2013	Quá hạn	L+H+Đ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn GPLX	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch
107	HOÀNG VĂN THANH	01/01/1977	*****35	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	C	400099000385	Nghệ An	31/01/2023	Quá hạn	L+H+Đ
108	TRƯƠNG SỸ THÀNH	03/02/1999	*****85	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	C	400204025632	Nghệ An	02/10/2025	Quá hạn	L
109	ĐẶNG VĂN THÀNH	05/08/1992	*****36	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	C	370150010166	Nghệ An	01/10/2025	Quá hạn	L
110	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	17/05/1990	*****66	Xã Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An	C	400132006620	Nghệ An	10/06/2021	Quá hạn	L+H+Đ
111	NGUYỄN HỒNG THẮNG	27/06/1984	*****70	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	C	400158022112	Nghệ An	09/07/2025	Quá hạn	L
112	NGUYỄN BÁ THẮNG	13/05/1993	*****24	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	C	400141045706	Nghệ An	20/10/2025	Quá hạn	L
113	LƯU VĂN THI	06/05/1987	*****66	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	C	400096010967	Nghệ An	10/01/2022	Quá hạn	L+Đ
114	LA VĂN THÌN	06/04/1990	*****08	Xã Gia Hanh, Tỉnh Hà Tĩnh	C	400207027471	Nghệ An	17/10/2025	Quá hạn	L
115	NGUYỄN THỨC THUẬN	27/07/1979	*****52	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	C	400111007873	Nghệ An	06/08/2025	Quá hạn	L
116	NGUYỄN VĂN THUẬN	01/01/1977	*****46	Phường Hương Trà, Thành phố Huế	C	400158004851	Nghệ An	04/02/2020	Quá hạn	L+H+Đ
117	NGUYỄN ĐÌNH THƯỜNG	15/05/1981	*****27	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C	400113013201	Nghệ An	28/12/2025	Quá hạn	L
118	PHAN VĂN TRÀ	05/08/1989	*****13	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	C	370165009810	Nghệ An	13/10/2021	Quá hạn	L+H+Đ
119	HỒ VĨNH TRÍ	20/02/1982	*****92	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	C	400194032771	Nghệ An	28/12/2024	Quá hạn	L
120	LÊ VĂN TRỌNG	03/06/1992	*****87	Xã Đông Lộc, Nghệ An	C	400136030645	Nghệ An	31/07/2023	Quá hạn	H
121	PHAN CÔNG TRUNG	21/04/1985	*****42	Xã Hưng Nguyên, Nghệ An	C	400148034903	Nghệ An	15/05/2025	Quá hạn	L
122	CHU ĐỨC TRUNG	28/01/1996	*****08	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	C	400141026473	Nghệ An	18/02/2025	Quá hạn	L
123	DƯƠNG XUÂN TRUNG	03/01/1990	*****11	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	C	790192281555	Nghệ An	09/11/2025	Quá hạn	L
124	NGUYỄN SỸ TRƯỜNG	12/02/1987	*****34	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	C	400154033620	Nghệ An	24/08/2025	Quá hạn	L

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn GPLX	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch
125	NGUYỄN LÂM TRƯỜNG	22/02/1980	*****99	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	C	400033979191	Nghệ An	28/10/2019	Quá hạn	L+H+Đ
126	ĐẬU XUÂN VÂN	10/11/1979	*****87	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	C	400197012389	Nghệ An	25/05/2024	Quá hạn	L
127	NGUYỄN VĂN VIỆT	30/04/1992	*****80	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	C	400163023269	Nghệ An	02/08/2021	Quá hạn	L+H+Đ
128	PHẠM VĂN VINH	10/10/1974	*****97	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	C	400133028069	Nghệ An	26/06/2022	Quá hạn	L+H+Đ